

CHINH PHỤ NGÂM KHÚC

Maurice Durand

"L' Univers des Truỵện Nôm"

(Ecole Francaise d' Extrême-Orient, 1998)

Người dịch : Phan Tấn Khôi

VÀI HÀNG VỀ TÁC GIẢ

Sinh tại Hà-Nội vào tháng tám 1914, Maurice Durand là con trai của Gustave Durand, chánh phòng dịch thuật tại Tòa Án và giáo sư tiếng Tàu tại Đại-học, và của Nguyễn Thị Bình người gốc tỉnh Kiến-An, ở phía đông châu thổ Sông Hồng. Do đó ông đã được nuôi dưỡng vừa bằng tiếng Pháp và vừa bằng tiếng Việt, và dĩ nhiên hai nền văn hóa đó đã in sâu vào đời sống và sự nghiệp của ông. Sau một học trình tại trường trung học Albert Sarraut Hà-nội, Maurice Durand đã tiếp tục theo học tại Pháp nơi ông đạt được văn bằng cử nhân văn chương, kế đó Chứng chỉ Cao học (*Loti và Extrême-Orient*, 1937 } trước khi đi phục vụ chiến trường Phi-châu. Năm 1946, Maurice Durand trở lại Việt Nam như là giáo sư trung học và năm 1949, trở thành hội viên thường trực của Trường Viễn đông Bác cổ Pháp. Từ năm 1954 tới năm đóng cửa 1957, ông là giám đốc trung tâm Viễn đông Bác cổ Pháp tại Hà-nội.

Trở về Pháp, ông tiếp tục nghiên cứu văn học Việt-nam và giao tất cả các tác phẩm của ông cho Trường Viễn-đông Bác-cổ Pháp in. Trong số đó phải kể đến *Connaissance du Việt Nam, 1954; La transcription de la langue vietnamienne et l'oeuvre des missionnaires francais, 1961* v.v.

Kể từ năm 1964, Maurice Durand bắt đầu đau nặng và sau nhiều cuộc giải phẫu, ông mất vào tháng tư 1966, ở vào tuổi 53. Ông để lại một tập bản thảo đang nghiên cứu dở dang về những bài thơ bằng nôm hiển nhiên là nguồn gốc của cuốn *L'Univers des Truỵện Nôm*, 1998 này.

(Theo Philippe Papin, Trường Viễn-đông Bác cổ Pháp, Hanoi)

CHINH PHỤ NGÂM KHÚC

Đây là một bài thơ bằng chữ *nôm* mà nhân vật chính là vợ một người lính đi chinh chiến vùng xa đã từ nhiều năm. Bà thốt ra những lời than thở dài về những nỗi đau đớn của sự chia ly, sự chờ đợi, niềm hy vọng. Bản gốc của bài thơ đã được Đặng Trần Côn soạn thảo vào năm 1740 bằng thơ chữ Hán. Những bản thích nghi và mô phỏng bằng tiếng Việt (ghi chép lại bằng chữ *nôm*) có rất nhiều. Bản văn phổ cập nhất cho tới những năm gần đây được coi là của một nữ sỹ rất nổi tiếng Đoàn Thị Điểm. Năm 1953 trong một bài nghiên cứu rất đầy đủ về bài thơ này có tựa là *Chinh phụ ngâm bị khảo* (Minh Tân, Paris), ông Hoàng Xuân Hãn đã muốn chứng minh bản chữ *nôm* thường được coi là của bà Đoàn Thị Điểm thật ra là tác phẩm của một trong những vị quan lớn ở cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, Phan Huy Ích (1750-1822). Nhiều văn bản khác bằng chữ *nôm* được gán cho bà Đoàn Thị Điểm (1705-1748), cho Nguyễn Khản (1734-1786), anh lớn của Nguyễn Du, tác giả *Kim Vân Kiều*.

Những vấn đề đặt ra cho *Chinh Phụ Ngâm* đều được bàn cãi rất chi tiết trong tác phẩm nêu trên của ông Hoàng Xuân Hãn. Chúng tôi đã cho ra một bản dịch cuốn *Chinh Phụ Ngâm* bằng thơ Hán cùng những lời ghi chú của Đặng Trần Côn qua tiếng Pháp trong *Bản tin của Hội Nghiên cứu về Đông Dương*, Saigon, quý 2, 1953. Văn bản chữ *nôm* thường gán cho bà Đoàn Thị Điểm đã được Hoàng Xuân Nhị dịch ra tiếng Pháp dưới tựa đề "*Plainte d' une chinh phụ*" (Mercure de France, 1939), được Bùi văn Lãng dịch dưới tựa đề "*Complainte de la femme d' un Guerrier*" (Editions Alexandre de Rhodes, Hanoi, 1943), được Huỳnh Khắc Dụng dịch dưới tựa đề "*Femme de Guerrier (élegie)*" trong *Bản tin của Hội Nghiên cứu về Đông Dương*, Saigon, quý 3, 1955.

Chúng tôi cũng có một bản tiếng Anh "*Warrior's wife's plaintive ballad*" do Phạm Xuân Thái dịch, in tại Saigon năm 1948 (1). Một bản tiếng Pháp do Georges Cordier dịch bài thơ được gán cho bà Đoàn Thị Điểm trong *Bulletin de la Société d' Enseignement Mutuel du Tonkin*, số XIII, trang 32-59 dưới tựa đề : *Chinh phụ ngâm* de Đặng Trần Côn, traduit en *nôm* par Đoàn Thị Điểm.

Bà Đoàn Thị Điểm sống vào thế kỷ XVIII. Những chi tiết về tiểu sử của bà được thấy trong cuốn *Tang thương ngẫu lục* (Những ghi chú khác nhau về một thời kỳ bấp bênh) đã cung cấp nhiều chi tiết quý báu về phong tục và con người của thời kỳ nhà Lê (1428-1789). Những tác giả của cuốn sách đó là Phạm Đình Hổ (1768-1839) và Nguyễn An (1770-1815). Người đầu tiên là một nhà văn học nổi tiếng và một văn sỹ đa dạng mà tài năng diễn tả cũng dễ dàng bằng tiếng Việt hay bằng tiếng Hán. Ông đã để lại nhiều công trình nghiên cứu khác nhau về cách tổ chức hành chánh và địa lý vào cuối đời nhà Lê cũng như những bản dịch và phê bình các bài văn Hán cổ điển. Người thứ hai cũng là một nhà văn học nổi tiếng và có kiến thức văn hóa sâu rộng. Ông theo triều đình nhà Nguyễn và chết trẻ khi còn đang làm quan huyện phủ Kiến An.

Cuốn *Tang thương ngẫu lục* rất có thể đã được hình thành vào cuối thế kỷ XVIII. Trường Viễn đông Bác cổ Pháp sở hữu một bản in năm 1896, (số thư viện A.218). Chính trong tiểu sử của Đặng Trần Côn (2) tác giả bản văn Hán *Chinh phụ ngâm* theo đó bà Đoàn Thị Điểm đã

hình thành bản dịch ra chữ *nôm*, mà chúng tôi tìm thấy vài điều nói bóng gió về nữ sỹ. Người ta có nhiều chi tiết phong phú hơn nữa trong cuốn *Đoàn-Thị thật lục (Lịch sử thật sự của nhà Đoàn-Thị)* do cháu bà, Đoàn Doãn-Y, biên soạn, là con trai của người anh Đoàn Doãn Luân. Cha của bà là Đoàn Doãn Nghi. Gia đình bà tên là Lê cho tới đời cha bà. Ông này thi Tam giáp không đậu, bỏ làng quê hương, Giai-Phẩm (nay là Hiến-Phạm), huyện Văn Giang, tỉnh Kinh-Bắc (nay là Bắc-Ninh), để cư ngụ tại Thăng-Long, làm chủ trường. Tại đó, ông lập gia đình với một người con gái dòng họ Võ đã sinh cho ông Đoàn Doãn Luân và Đoàn Thị Điểm sinh năm 1705.

Năm 1720 quan thượng thư Lê Anh-Tuấn (3) nhận bà làm con nuôi và muốn đưa bà vào phủ chúa Trịnh, nhưng Đoàn Thị Điểm từ chối và theo cha và anh bà đến làng Lạc-Viên, huyện Yên-Dương, tỉnh Kiến An, nơi họ mở một trường dạy học. Năm 1729 vào lúc 25 tuổi, bà mất cha và cùng với mẹ và anh đưa linh cữu cha về làng quê quán gốc. Kể đó, bà theo người anh đi dạy học tại làng Vô-Ngại, huyện Đường-Hào (nay là Mỹ-Hào) trong tỉnh Hưng-Yên.

Anh bà lập gia đình với con gái vị tiến sỹ Lê Hữu-Mưu (4). Còn bà từ chối nhiều mối và sống với mẹ và anh. Sau đó người anh chết để lại đàn con và người vợ ốm yếu. Bà Đoàn Thị Điểm lo săn sóc đàn con và mẹ của chúng. Bà hành nghề bốc thuốc bắc để nuôi sống cả đại gia đình. Kể đó bà làm công việc kèm trẻ, đám con gái của một ai thiếp Chúa Trịnh.

Dưới thời Trịnh-Giang (1729-1740) sau những biến cố của năm 1739, bà rời gia đình từ Vô-Ngại đến ở gần thủ đô, vùng Chương Dương. Năm 1743 bà lập gia đình với một nhà văn học lớn Nguyễn-Kiều (5). Một tháng sau đám cưới, chồng bà phải đi sứ sang Tàu và Đoàn Thị Điểm đã phải chờ đợi ba năm dòng già, trong thời gian đó bà lo săn sóc nhà cửa vừa nóng lòng chờ đợi ngày trở về của người vắng mặt. Người ta coi quãng thời gian đó của cuộc đời bà Đoàn Thị Điểm đã ảnh hưởng rất nhiều nguồn cảm hứng của nữ dịch giả cuốn *Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn*. Những vần điệu rất xúc động bà đã đặt vào bản dịch đến từ những gì tự bà đã trải qua tất cả những đau khổ mà một người đàn bà đang yêu thương có thể đau khổ vì phải xa cách người chồng. Năm 1745, Nguyễn-Kiều từ Tàu trở về và hai vợ chồng vui sướng trong niềm hạnh phúc gặp lại nhau.

Nos coupes s'empliront au fur et à mesure	<i>Sẽ rót vơi lần lần từng chén</i>
Nos voix fredonneront strophe après strophe	<i>Sẽ ca dần ren rén từng thiên</i>
Nous chanterons chacun des poésies très douces	
Et boirons du vin, l'un en face de l'autre	<i>Liên ngâm đối ẩm đòi phen</i>
Avec vous mon amour je pourrai renouer	<i>Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.</i>
Jusqu'au bout de ma vie notre fil d'hyménée	

(Câu 405-408, bản dịch Huỳnh Khắc Dụng)

Đoàn Thị Điểm

Sự vui mừng được gặp lại nhau không chỉ biểu hiện bằng đời sống yêu đương thông thường trải qua với nhau suốt quanh năm ngày tháng, nhưng đối với hai người văn học cao và

tài năng siêu việt như Đoàn Thị Điểm và Nguyễn Kiều thì còn bằng những buổi trao đổi văn thơ qua đó, nếu người ta tin vào truyền thống, Đoàn Thị Điểm thường tỏ ra trội hơn chồng. Đời sống hạnh phúc đó chấm dứt vào năm 1748. Năm đó Nguyễn Kiều được bổ dụng vào Nghệ-An phải đi đến nhiệm sở mới, ông dẫn vợ đi theo. Bà vợ lâm trọng bệnh trong buổi du hành và mất sau khi tới Nghệ-An vào ngày 11 của tháng 9, thọ 44 tuổi (6).

Bà Đoàn Thị Điểm biên soạn nhiều nhất là bằng chữ Hán, nhưng các bài thơ hay các tập thơ của bà không tới tay chúng tôi. Trái lại người ta gán cho bà tập truyện *Tục truyền kì* là tập tiếp theo tập truyện nổi tiếng *Truyện kì mạn lục* của Nguyễn-Dữ (7) Tập truyện này gồm *Bích câu kỳ ngộ*, *Hải Khẩu linh từ*, *Vân-Cát thần nữ*, *Hoành sơn tiên cục*, *Yên-ấp liệt nữ*, *Nghĩa trượng Khuất-Miêu*. Những tựa đề này là do E. Gaspardone ghi lại trong BA.133 của ông, ông nhấn mạnh đó là những tựa đề do Phan Huy-Chú (1782-1840) gán cho Nguyễn Thị Điểm (có nghĩa là Đoàn Thị Điểm). Nhưng ông có lý khi ghi thêm nội dung các tác phẩm đó không phải tất cả đều theo ý với sự gán ghép đó. Thật vậy cuốn *Nam sử tạp biên* (8) chỉ cho bà là tác giả chuyện kể *Hải Khẩu linh từ*, *Vân cát thần nữ* và *Yên-ấp liệt-nữ*.

Lần xuất bản năm 1811 của cuốn *Tục truyền ký*, dưới tựa đề *Truyện kì tân phá* cho biết là bà Đoàn Thị Điểm chỉ là tác giả ba truyện kể đó thôi (9).

Bằng chữ *nôm* bà Đoàn Thị Điểm đã để lại cuốn *Chinh Phụ ngâm khúc* trong bản thường được biết đến. Hoàng Xuân Hãn đã thử chứng minh là bản đó không phải của Đoàn Thị Điểm mà là của Phan Huy Ích. Ông nêu ra ba lý do chính là :

1 - Chúng ta biết Phan Huy Ích là tác giả một cuốn *Chinh phụ ngâm*

2 - Một hậu duệ của Phan Huy Ích, Phan Huy Chiêm đã gửi một lá thư năm 1926 tới báo *Nam Phong* quả quyết là cuốn *Chinh phụ ngâm* đã được tổ tiên của ông là Phan Huy Ích dịch và ông còn giữ được bản văn bằng *nôm* và bản văn bằng *quốc ngữ*

3 - Bản dịch của Phan Huy Ích thật nhẹ nhàng, được viết theo một ngôn ngữ phô thông, dễ hiểu cho mọi người và cuốn Gia phả họ Phan viết : "*ông đã dịch Chinh phụ ngâm khúc. Ngày nay, từ những người nổi tiếng, những văn nhân, cho tới giới trẻ vùng nông thôn, ai là người đã không đọc truyện đó (10) ?*"

Tuy nhiên, Hoàng Xuân Hãn chỉ nhận được từ Phan Huy Chiêm bản văn bằng *quốc ngữ* rất giống như bản văn thông thường, cho tới ngày nay, đêu coi là của bà Đoàn Thị Điểm. Cho đến khi mà những chứng cứ chính xác hơn chưa được nêu ra, có lẽ chúng ta nên tỏ ra khôn ngoan hơn bằng cách gìn giữ truyền thống đã gán cho bà Đoàn Thị Điểm bản dịch nổi tiếng nhất.

Dù sao cái giá trị của bài nghiên cứu tìm tòi rất kỹ càng của Hoàng Xuân Hãn là đã làm sáng tỏ tính chất phức tạp những vấn đề đặt ra do số đông bản chữ *nôm* của *Chinh phụ ngâm* Thật vậy, ông đã nghiên cứu và đưa ra sự ghi lại bằng *quốc ngữ* của tám văn bản đều có tựa đề *Chinh phụ ngâm*.

Văn bản thứ nhất ông gọi là bài A người ta đã gán cho bà Đoàn Thị Điểm mà ông thì gán cho Phan Huy Ích, bao gồm 408 câu thơ *song thất lục bát*. Văn bản này đã được in tại phố

hàng Gai ở Hanoi, người ta không rõ năm chính xác của ấn bản thứ nhất, nhưng dường như văn bản đã được in ra trước thời Tự-Đức. Thư viện Trường quốc gia Ngôn ngữ Đông phương tại Paris có giữ một bản có lẽ được in dưới triều Tự-Đức. Bản này đã biến mất khỏi thư viện này. Ấn bản xưa nhất mà Hoàng Xuân Hãn tìm được là ấn bản được in vào năm 1910 do nhà in Trường thịnh- đường dưới tựa đề *Chinh phụ ngâm*, Bản dịch này đã được Vũ-Hoạt sửa đổi chút đỉnh năm 1902 và cho in với nhà Long Hòa ở phố hàng Thiếc Hanoi, ba truyện thơ *Chinh phụ ngâm (11)*, Phan Trần và Cung Oán dưới tựa đề *Danh gia quốc âm (Những tác giả nổi tiếng chữ nôm)*. Cũng vậy Trường viễn đông Bác cổ sở hữu một *Chinh phụ ngâm* của Hồng Liệt Bá trong tập *Thi ca nam âm (Thi và Ca bằng tiếng Việt)* (AB 164). Văn bản A này đã được ghi lại bằng *quốc ngữ* và do Trương Vĩnh Ký xuất bản lần thứ nhất năm 1887 trong những ấn bản của Trường thông dịch viên tại Saigon. Kể từ thời đó, những ấn bản bằng *quốc ngữ* trở nên dồi dào và quảng bá rộng rãi. Theo những văn bản thuộc truyền thống đó, vài bản dịch tiếng Pháp đã được hoàn thành như bản của Hoàng Xuân Nhị *Plaintes d' une chinh phụ* tại nhà Mercure de France (1939), bản của Bùi văn Lang *Chinh phụ ngâm* tại nhà Alexandre de Rhodes Hanoi 1943 và bản mới nhất và hay nhất của Hỳnh Khắc Dụng trong bản tin của Hội Nghiên cứu Đông dương năm 1955.

Bài B mà Hoàng Xuân Hãn gán cho bà Đoàn Thị Điểm gồm 496 câu thơ *song thất lục bát* Bài này dài hơn bài A, theo sát văn bản chữ Hán của Đặng Trần Côn, do đó tỏ ra ngây ngô hơn, kém tính chất cá nhân, lệ thuộc hơn vào bản văn mà bà đã dịch.

Văn bản thứ ba, bài C gồm 440 câu thơ *song thất lục bát* theo Hoàng Xuân Hãn có thể là của Nguyễn Khả (12) anh của Nguyễn Du, tác giả *Kim Vân Kiều*.

Bản dịch thứ tư, bài D không có tác giả và dựa trên một văn bản *nôm* ở tình trạng hư hại.

Bản dịch thứ năm, 246 câu thơ *lục bát*, bài E dựa trên một văn bản *nôm* của nhà văn học họ Nguyễn, gốc người Bạch liên Am, tác giả cuốn *Cung Oán Thi* mà chúng ta đã thấy.

Sau cùng bản dịch chót dựa trên bài F, tác giả vô danh mà bản *nôm* theo khá sát bản Hán văn của Đặng Trần Côn. Bản này tương ứng với bản của tác phẩm AB, 650 của Trường viễn đông Bác cổ và gồm 200 câu thơ *lục bát*.

Dưới cái tựa *Chinh phụ ngâm* Trường viễn đông Bác cổ (mã số AN 55) có một bài thơ 77 câu *lục bát*, ngoại trừ ba câu đầu theo thể 4-4-7 (hoặc 8-7 cũng được)

Trời đất một vàng

Bắc nam đôi ngả (13)

Phận hồng nhan buồn bã thiếp lo

Bài văn này không hẳn là một bản dịch mà là một sự biến đổi về đề tài sự xa cách của vợ chồng, người chồng phải đi chinh chiến. Dĩ nhiên người ta nhận ra được ảnh hưởng của bài chữ Hán hoặc của những bản dịch qua *nôm* Tuy nhiên, người ta không thể lượng định giá trị và ngôi thứ của nó trong lịch sử những bản dịch và bản chuyển thể *Chinh phụ ngâm* cho đến khi

nào người ta tìm ra những thành phần giúp nhận dạng tác giả hay thời gian biên soạn. Cùng một văn bản được thấy dưới tựa đề *Chinh phụ từ* (14).

Một bài thơ khác mang tựa *Chinh phụ tự tình* (Lời thú nhận của người chinh phụ) nằm trong tập AB. 348 của Trường viễn đông Bác cổ, gồm 185 câu xếp đặt theo một vận luật thay đổi trong đó những đoạn bốn câu thường được viết bằng *hán-việt* trong khi những đoạn khác (trôn lẫn 6, 7, 8, 9 âm tiết) thì bằng *nôm*.

<i>Bắc phương thê thê</i>	Le vent du Nord est froid froid
<i>Vũ tuyết phê phê</i>	La pluie et la neige tombent tombent
<i>Thái phồn kỳ kỳ</i>	L; aurore croit en abondance
<i>Ngã tâm thương bi</i>	Mon coeur est plein de douleur
<i>Trống lâu thu như dục xuân đi</i> l	Le tambour de la tour, en automne, semble presser le printemps de se mettre en marche
<i>Tiếng quyên vắng hơi hè lại gáy</i> d	Le chant du coucou qui s' était éloigné, aux effluves de l' été, recommence à retentir

Chúng ta cảm thấy bài này như là một trò giải trí của một nhà văn học lấy làm thích thú trôn lẫn *nôm* và chữ hán, hình thức thơ văn hán và Việt, cảm hứng cổ điển và văn chương bình dân như là những câu 66 và 67 cho thấy sự đổi ngược một cặp thơ bình dân tại Vietnam

Con cò lặn lội bờ sông mà chúng ta hiểu là : Le héron plonge au bord du fleuve

<i>Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non</i> p	Je porte une charge de riz pour mon mari et je vais pleurant et me lamentant
--------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------

Tất cả những bản bằng chữ *nôm của Chinh phụ ngâm* dù sao cũng đều là những bản dịch hoặc biến đổi bài văn của Đặng Trần Côn mà chính ông đã soạn thảo từ một kết hợp những trích đoạn thơ hán và thay đổi và sắp xếp lại một cách tài tình có nghệ thuật. Người ta có thể thích thú tìm kiếm trong những bài văn thơ Tầu đời Đường và những triều đại khác câu thơ này hay đoạn thơ kia đã gây hứng thú cho Đặng Trần Côn. Người ta có thể, ngoài những ảnh hưởng văn chương, tìm lại những chủ đề gây cảm hứng. Trong một phụ lục của cuộc nghiên cứu về Đặng Trần Côn (15), chúng tôi đã thử chứng minh vài sự so sánh bằng cách làm một sự lựa chọn trong những bài thơ Tầu của tập học sinh *Ba Trăm bài Thơ* đời Đường của nhà in Kouang-yi chou-kia yin-hing tại Chang-Hai và trong bộ sưu tập những bài thơ có chú giải của Hội Wen Minh tại Chang-Hai. Những chủ đề về sự chờ đợi của người vợ chinh phụ, những gói quà gửi cho chiến binh, sự xa cách, những biên giới, sự buồn rầu của con chinh phụ, đều được khai thác bởi Che Wou (Thi Vũ), Lieou Tsi (Lưu Tích) đời Minh, Li Po (Lý Bạch), Lou Louen (Lư Luân), Si Pi jen (Tây Bỉ-nhân), Tchang Tsi (Trương Tịch), Han Wou (Hàn Ốc), Wei Tch'eng k'ing (Vi Thừa Khánh), Kiuan Tô-yu (Quyền Đức Dư) đời Đường, vân vân.. Nhất là Li Po trong *Sáu bài Thơ vùng Biên Giới Sai hia k'iu lou* (Tái hạ khúc lục) (16) và trong cuốn *Sai Chang k'iu* đã gây nhiều cảm hứng cho Đặng Trần Côn. Chúng ta cũng cần thêm vào Tou Fou

(Đỗ Phủ) trong một bài thơ giống như bài có tựa đề *Sin houen pie* (Tân hôn biệt) (*Sự chia cách hai vợ chồng mới cưới*) trong đó vợ người chinh phu than thở ngày khởi hành và sự vắng mặt của chồng bà Người lính chiến giữ vùng biên giới Ho-yang (Hà Dương) nơi đó được coi là đất chết. Người vợ mong muốn số phận loài chim để có thể luôn luôn sống cạnh chồng :

Je renverse la tête et je vois les oiseaux voler

Grands et petits ils prennent leur essor par couples

(Tôi ngửa đầu và tôi thấy những con chim đang bay

Lớn và bé chúng đều tung bay từng cặp)

Về vấn đề này người ta cũng có thấy cuốn *Ping tch'e hing* (*Binh xa hành*) (*Bài ca những chiến xa*) trong đó mô tả những đồng xương người chết bỏ lại trên chiến trường.

Trường viễn đông Bác cổ có sở hữu một cuốn *Chinh phụ ngâm bị lục* dưới mã số AB. 26, gồm 412 câu *song thất lục bát* và mang những dấu hiệu sau : thời gian in được tính theo chu kỳ hàng năm *nhâm dần* của Thành Thái, ngày Hoa Cúc (Tháng mười 1902) do nhà in Long Hòa (Long-Hòa hiệu tàng bản). Nhà in chỉ cho thấy Đặng Trần Côn là tác giả của bản chính gốc : *Thanh Trì Nhân mục, Đặng Trần tiên sinh Côn trước* (Đặng Trần Côn của Nhân-mục, của Thanh-Trì biên soạn) và Đoàn Thị Điểm là tác giả bản dịch bằng chữ *nôm* (Bà Đoàn thị Điểm của Trung-Phú, của Văn-Giang đã dịch). Sau cùng có vẻ tác phẩm được xuất bản đã được Đồng Phong của Thần Khê (bí danh) thông báo hoặc chính người này đã lo việc in ấn (17)

GHI CHÚ VỀ PHAN HUY ÍCH.

Chúng ta đã thấy là một bản dịch bằng chữ *nôm cũa Chinh phụ ngâm* do Đặng Trần Côn soạn thảo bằng chữ hán, đã có thể có Phan Huy Ích (1750-1822) là tác giả (18).

Người này mà *tự* là Khiêm-Thụ-Phủ, *hiệu* Dụ-Am có gốc làng Thu-Hoạch, huyện Thạch-Hà, tỉnh Hà-tĩnh. Ông là con Phan Huy Cận đậu tiến sỹ năm 1754 phục vụ trong ngành quan lại tại Thăng -Long rồi lui về ở làng Thụy Khê, huyện An-Sơn, tỉnh Sơn-Tây.

Phan Huy Ích tỏ ra có trí thông minh phát triển sớm. ông học dưới quyền cha ông, như vậy cũng dưới quyền Ngô Thời Sĩ và thi đỗ kỳ thi tỉnh Nghệ-An năm 1771 , sau đó kỳ thi Tam Giáp năm 1775.

Làm việc với Trịnh Sâm (1762-1782) , ông có dịp bắt liên lạc với Nguyễn Nhạc, thủ lĩnh Tây Sơn.

Khi nhà Tây Sơn lên nắm quyền hành, Ích cùng với anh rể Ngô Thời Nhậm phục vụ chính quyền mới và được giao nhiệm vụ lo các mối liên lạc ngoại giao với Trung quốc nhà Đường Cả hai đều thành công làm dân Tàu phải nể phục Việt Nam. Trong sự nghiệp hành chánh dưới trào Tây Sơn, Phan Huy Ích đã đạt tới hàng Lễ Bộ thượng Thư năm 1801. Khi nhà Nguyễn

thống nhất đất nước, Phan Huy Ích quay lại với họ nhưng dù sao ông cũng phải chịu hình phạt đánh đòn trước khi được ân xá.

Ông lui về ở núi Sài-Sơn trong vùng Sơn Tây, nơi ông sống như một thầy đồ. Tuy nhiên vì ông có kinh nghiệm trong vấn đề liên lạc ngoại giao với Trung quốc, các hoàng đế nhà Nguyễn, Gia Long và Minh mạng đều tham khảo ông khi cần thiết.. Ông mất năm 1822 thọ 73 tuổi.

Nhà học thức lớn đó đã để lại bằng chữ Hán một tập thơ tựa đề *Dự-Am ngâm-tập* và một tập gồm những bài văn xuôi tựa đề *Dự-Am văn tập* trong đó các bài văn đều được trình bày theo thứ tự thời gian. Trường Viễn đông Bác cổ có đủ các bài văn đó trong một tập tựa đề *Dự-Am thi tập* (A. 603-604).

Những văn bản ngoại giao của ông được gom góp trong cuốn *Bang giao tập (Tuyển tập những văn bản về những mối liên lạc ngoại giao)* TVĐBC, A.691. Sau cùng một tập thơ *Cúc Đường bách vịnh thi tập (Tuyển tập trăm bài ca tụng Cúc Đường)* TVĐBC, A. 1168, và một tập khác, *Tinh sà kỷ hành* TVĐBC, 1383.

Ông rất nổi tiếng qua những bài *văn tế* bằng chữ *nôm* mà ông đã soạn thảo phần lớn nhân dịp đám ma của gia đình hoàng gia nhà Tây Sơn và qua bản dịch *Chinh phụ ngâm (Lời than vãn của Hôn thê một Chiến binh)* của Đặng Trần Côn.

Chúng ta hãy kể ra trong số những bài văn tế lên tới một chục bài :

- văn tế vua Cảnh Thịnh
- văn tế con gái vua Quang Trung
- văn tế mẹ Công chúa Ngọc Hân, vợ vua Quang Trung
- văn tế một thành viên của gia đình hoàng gia nhà Lê
- văn tế công chúa Ngọc Hân qua một người thân
- văn tế những đại tướng và binh lính tử trận
- văn tế những đại tướng và binh lính nhân dịp ngày rằm tháng bảy
- văn tế có tựa đề *Công chúa chư nha điện văn*

Trong số những bài thơ *nôm* của Phan Huy Ích người ta có thể kể :

- *Tiến quan trấn thủ*
- *Nhớ quan trấn thủ*
- *Mừng quan trấn thủ về dinh mới*
- *Tháng chạp, trở về núi, họa lại những vần thơ của quan Tổng đốc (Lạc trung hồi sơn, họa Trấn quan tiến vận)*

Về cuốn *Chinh phụ ngâm*, ý kiến những nhà phê bình Việt Nam không đồng ý với nhau. Một số người (Nguyễn Hữu Tiến, *Nam Phong*, số 108 theo sau Hoàng Xuân Hãn, như trên) nghĩ là văn bản thường được coi là của bà Đoàn Thị Điểm, trên thực tế có lẽ là của Phan Huy Ích (19). Một số khác (Phạm Văn Diêu) nghiêng về bài B do Hoàng Xuân Hãn trình bày như là bài của Phan Huy Ích. Cái chắc chắn là, cho tới khi có chứng cứ mới, quan điểm của Nguyễn Hữu Tiến và Hoàng Xuân Hãn chưa được chính thức chấp nhận.

CHÚ THÍCH

1 - Đối với những chi tiết bổ túc xin tham khảo phần nhập đề và giới thiệu những tác phẩm đã kể. - xem thêm Phan Huy Ích, *Chinh phụ ngâm* trong *Nam Phong*, tháng sáu 1926, trg. 494-495.

2 - Xem Maurice Durand "*La complainte de l'Épouse du guerrier de Đặng Trần Côn*", BSEI, NS, tome XXVIII, no 2, 2^e trim. 1953.

3 - Tiến sĩ sinh năm 1694; mất năm 1734 LTHC, A 50,1, trg. 202, cột 7

4 - Gốc làng Liêu-xá, phủ Đường Hào, lúc 36 tuổi ông đỗ tiến sĩ, năm 1710 ông đạt tới chức Thị Lang, ĐVLTĐKI, A 1387

5 - Gốc làng Phú-xá, phủ Từ-Liêm, ông sinh năm 1695; năm 18 tuổi ông đậu kỳ thi như *giải nguyên* có nghĩa là đứng đầu các cử nhân; năm 1715 lúc 21 tuổi, đậu tiến sĩ, năm 1717 ông là *đốc đồng* (Tổng quản) của Tuyên Quang. Năm 1734 ông là Án-sát tỉnh Nghệ-An, kể đó năm 1736 Tổng đốc. Năm 1742, ông được bổ nhiệm Sứ thần hạng nhất đối với Trung quốc, cuối năm 1743 ông khởi hành, năm 1744, ông ở Bắc-kinh (Yen-King), năm 1745, ông trở lại Kouang-si nơi ông phải chờ một thời gian trước khi có thể trở về Việt Nam. Năm 1748 ông lại được bổ nhiệm ở Nghệ-An. Ông dẫn theo vợ Đoàn Thị Điểm và bà mất sau khi tới Nghệ-An (ĐVLTĐKL, a 1387, quyển 3, chg.45, cột 8 và Hoàng Xuân Hãn, CPNBK, trg. 34 và tiếp theo) Nguyễn Kiều góa hai đời hôn nhân đầu, một với con gái Lê Anh Tuấn, chính cha nuôi Đoàn Thị Điểm, hai với con gái Nguyễn Quý Đức (1648-1720) cùng với Lê Hi (1646-1702) đã là tác giả quyển 19 của *Đại Việt sử ký toàn thư* soạn thảo những biên niên Việt Nam từ 1663 đến 1675 (xem Dương Quảng Hàm, trg.270 và nhất là Gaspardone, BA, trg. 63), ông còn sống năm 1750 vì ông đã viết phần

giới thiệu cho cuốn *Chu dịch quốc âm giải nghĩa (Giải nghĩa bằng quốc ngữ cuốn Yi-King của Đặng Thái Phương)* (xem Gaspardone BA, số 132)

6 - Tất cả phần này phải nhờ rất nhiều vào bài giới thiệu của CPNBK của Hoàng Xuân Hãn. E. Gaspardone coi Đoàn Thị Điềm như vợ kế của Nguyễn Phiên. Hình như có sự nhầm lẫn khi đọc chữ Phiên ra chữ Kiêu. Chữ Hán Phiên rất giống chữ Hán Kiêu. số 130 trg.114.

7 - Gaspardone, BA, số 130

8 - Tựa đề đầu tiên *Dã sử tạp biên (Ghi chú về lịch sử giản yếu)* của Vũ văn Lập cử nhân năm 1852, phần giới thiệu thuộc năm 1896 (EFEO, A. 12; xem Gaspardone, BA, trg. 76) *Hồng Lĩnh Hầu* được chỉ định Tổng đốc Sơn Tây, kế đó ông có được toàn quyền cai quản trên các tỉnh Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng-sơn để dẹp loạn Hoàng văn Đồng mà ông đã thành công tiêu diệt năm 1779. Cùng năm đó mẹ và vợ ông mất và ông rút ra khỏi đời sống quan trường. Năm 1779 chúa Trịnh là Tĩnh-Vương (Trịnh Sâm) (1767-1782) say mê người đàn bà nổi tiếng Đặng thị Huệ, được biết tới dưới tên bà chúa Chè đã sinh ra cho chúa Trịnh một con trai tên Trịnh Cán. Bà này muốn con mình trở thành hoàng thế tử kế nghiệp thế chỗ của Trịnh Tông (Trịnh Khải). Bà dựa vào thế lực của quan Thượng thư Hoàng Đình Bảo và thành công trong việc chỉ định Cán làm thế tử. Tuy nhiên Tông đã có thể tập hợp một đảng phái và Nguyễn Khánh cũng như Nguyễn Khắc Tuân ủng hộ Tông nhưng bị Ngô Thị-Nhiệm tố cáo và tất cả bị bỏ tù. Chỉ có một mình Khánh được Trịnh Sâm yêu thích nên thoát khỏi tội chết chỉ bị quản thúc tại gia. Lúc đó ông biên soạn cuốn *Tự tình khúc (Thú tội)* làm Tĩnh vương cảm động. Năm 1782, vào lúc Trịnh Sâm qua đời, nạn Kiêu Binh nổi lên chống lại Trịnh Cán được đặt lên ngai vàng lúc sáu tuổi. Quân nổi loạn giết Hoàng Đình Bảo và đưa Trịnh Tông (Trịnh Khải) (1782-1786) lên làm chúa Trịnh. Lúc ấy Nguyễn Khánh trở lại được ân sủng và được ban cho nhiều chức vụ tốt đẹp. Tuy nhiên, vì bọn Kiêu Binh muốn lấn quyền chúa Trịnh, Khánh muốn dẹp loạn. Chúng đốt nhà Khánh và Khánh đã phải chạy trốn qua Sơn Tây nơi ông cùng người anh Nguyễn Điều bần nhau tiêu diệt bọn phản loạn. Nhưng họ không thành công và trở về làng quê quán mình. năm 1786 khi Nguyễn Hữu Chỉnh và Nguyễn Huệ chiếm thành Thăng Long, Khánh muốn giúp Trịnh Khải trốn qua Sơn Tây. Ông không thành công vì đám Kiêu Binh ghét ông. Sau sự việc này ông trở lại kinh thành nơi ông qua đời vì bệnh (1802), xem Hoàng Xuân Hãn, CPNBK, trg.44-48; Gaspardone, BA, trg. 68; Hà Như Chi II, 25.

9 - Về sự mô tả tác phẩm này xem Hoàng Xuân Hãn, CPNBK, trg.42, số 50

10 - Hoàng Xuân Hãn, CPNBK, trg.27.

11 - L' EFEO, dưới mã số A.26, sở hữu văn bản này in năm theo chu kỳ Nhâm Dần của Thành Thái vào ngày đại cát 1902. Nữ sỹ được chỉ định như là tác giả dưới tên Nguyễn Thị Điềm. Văn bản gồm 412 câu thơ *song thất lục bát* và có tựa đề *Chinh phụ ngâm bị lục*.

12 - Con trai Nguyễn Nghiễm, anh cả của Nguyễn Du, gốc làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông thay đổi tên ba lần, Nguyễn Hân (1760), Nguyễn Lệ (1767) và Nguyễn Khánh (1778). Tên *tự* là Tư Trực và *hiệu* Thuật Hiên. Lúc 14 tuổi ông đậu thám hoa trong ba kỳ thi *tam trường*, lúc 20 tuổi cử nhân *hương cống* lúc 27 tuổi tiến sỹ năm 1760. Trong thời gian đó ông dạy kèm Trịnh Sâm sẽ trị vì từ 1767 đến 1782. Khi Trịnh Sâm lên nắm quyền hành, đã

ban cho thầy dạy kèm rất nhiều ân huệ. Năm 1773 Nguyễn Khản và cha ông là Nguyễn Nghiễm đều nằm trong giới lãnh đạo chung quanh Trịnh Sâm (còn gọi là Tĩnh Đô-Vương) và cả hai tham gia vào chiến dịch chống Phú Xuân và khi chiếm được thành này (1774) Nguyễn Khản đã chỉ huy tiếp vận lương thảo từ Nghệ-An. Năm 1775, khi cha ông qua đời, ông còn ở Nghệ-An làm *Tham lĩnh* năm 1778.

13 - Bản thảo của M. Durand ghi bằng chữ *nôm* mà phải đọc là *Bắc nam hai ngả* (ghi chú EFEO 1997)

14 - *Từ* chỉ một hình thức thơ rất thịnh hành dưới đời Đường và đời Tống và có nguồn gốc từ thể *yo-fou* (*nhạc phủ*). Sự biến hóa sau đó thành K'iu (khúc).

15 - BSEI, NS, quyển XXVIII, số 2, quý 2, 1953, trg. 177-181.

16 - xem Thư viện quốc gia Tàu XIX 10, (18) k. 2, trg. 63 và tiếp theo.

17 - Tôi không tin tưởng lắm về câu giải thích của tôi. Hoàng Xuân Hãn kể ra bản in nhưng không đã động gì tới câu tôi có trong văn bản của tôi

18 - *Dự-Am ngâm tập* (*Tập ghi chép thơ của Dự-Am*) của Phan Huy Ích, quyển 6, *Vân du tùy bút*. Bản ghi chú gia phả dòng họ Phan ở Thụy Khê, trong vùng Sơn Tây; Hoàng Xuân Hãn, Giới thiệu bản *Chinh phụ ngâm bị khảo* của ông; M. Durand, *La Complainte de l'Épouse du Guerrier de Đặng Trần Côn*.

19 - Về Phan Huy Ích, những chi tiết chính xác nhất nằm trong *Chinh phụ ngâm bị khảo*, Paris, Minh Tân, 1953 của Hoàng Xuân Hãn.